

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHOÁ XIII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Liên Bộ: Tài chính, Tư pháp về việc quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật;

Sau khi xem xét Tờ trình số 607/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2012 của UBND tỉnh về việc quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản Quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 27/BC-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2012 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản Quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu, như sau:

1. Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho các nội dung kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL (có phụ lục kèm theo).

2. Các nội dung chi khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo: Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp; Nghị quyết số 188/2010/NQ-HĐND ngày 9/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 33/2011/NQ-HĐND ngày 9/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Nguồn kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức thuộc cấp tỉnh do ngân sách tỉnh đảm bảo; cấp huyện do ngân sách cấp huyện đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

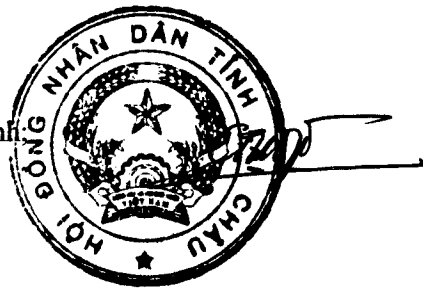
Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2012./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Đại biểu QH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ

PHỤ LỤC

MỘT SỐ MỨC CHI ĐẶC THÙ BẢO ĐẢM CHO CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
(Đảm bảo thực hiện theo Nghị quyết số: 46 /2012/NQ-HĐND ngày 13 /7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra			
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150.000	100.000
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100.000	70.000
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 báo cáo/01 văn bản	400.000	280.000
3	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản	01 văn bản	70.000	50.000
4	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản			
a	Mức chi chung	01 văn bản	100.000	70.000
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	200.000	140.000
5	Chi soạn thảo, viết báo cáo			
a	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật	01 báo cáo	140.000	100.000
b	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực (bao gồm cả báo cáo liên ngành và báo cáo của từng ngành, địa phương)	01 báo cáo	700.000	500.000

	Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan	01 báo cáo	1.000.000	700.000
7	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản;	01 văn bản	70.000	50.000
b	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật			
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn (không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo)	01 tài liệu (01 văn bản)	50.000	35.000